

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LỢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 02 – 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Trang Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm T**, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Lương M**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 9 năm 2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm T trình bày: Vào năm 1999, bà Phạm T với ông Lương M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, bà T và ông M phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà T và ông M đã ly thân khoảng tháng 7 năm 2020 đến nay, sau khi ly thân cả hai không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T và ông M có hai người con chung là cháu Lương K, sinh ngày 30/4/2000 và cháu Lương V, sinh ngày 15/5/2006, hiện nay cháu K đã trưởng

thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà T và ông M có tạo lập 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất cha mẹ của bà T cho mượn, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản này, bà T và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lương M trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021: Ông M thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian chung sống, ông M thường uống rượu, bà T nhiều lần khuyên nhưng ông M không thay đổi. Ông M và bà T đã sống ly thân. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông M cũng đồng ý.

Về con chung: Hiện cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Vy thì ông M tôn trọng ý kiến của cháu Vy, nếu cháu V sống chung với ông M thì ông M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, ông M và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm T và ông Lương M. Về con chung, cháu Lương K, sinh ngày 30/4/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết, giao cháu Lương V, sinh ngày 15/5/2006 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, bà T và ông M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết; nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Lương M. Khi khởi kiện ông M cư trú tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lương M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, bà Phạm T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết

vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm T và ông Lương M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông M chưa tuân thủ về điều kiện kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông M và bà T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng ông M và bà T không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm T và ông Lương M.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông M có hai người con chung là cháu Lương K, sinh ngày 30/4/2000 và cháu Lương V, sinh ngày 15/5/2006. Do cháu K đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V. Xét thấy, tại Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu V ngày 19/11/2020, thể hiện cháu V có nguyện vọng sống chung với bà T và hiện đang sống chung với bà T hũy. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu V cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông M và bà T thống nhất xác định quá trình chung sống có tạo lập được 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản này, ông M và bà T thống nhất tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông M và bà T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà T phải chịu 300.000 đồng, bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008272 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.

[9] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm T với ông Lương M.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cháu Lương K, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Giao cháu Lương V, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2006 cho bà Phạm T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy và giáo dục (cháu Lương V đang sống chung với bà Phạm T).

Ông Lương M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Bà Phạm T không yêu cầu ông Lương M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Phạm T và ông Lương M thống nhất tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Phạm T và ông Lương M thống nhất không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Phạm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Phạm T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008272 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Trang Thảo**